

ITW Performance Polymers

PHIẾU AN TOÀN DỮ LIỆU IRABOND UU55-52A

PHẦN 1: Nhận dạng chất/ hỗn hợp chất và công ty/doanh nghiệp

Nhận dạng sản phẩm

Tên sản phẩm IRABOND UU55-52A

Số hiệu sản phẩm ADH UU55

Mục đích sử dụng của chất hoặc hỗn hợp có liên quan được xác định và mục đích sử dụng được khuyến cáo không nên

Mục đích sử dụng đã được xác định Sơn lót.

Chi tiết về nhà cung cấp phiếu an toàn dữ liệu

Nhà cung cấp ITW Performance Polymers
Bay 150
Shannon Industrial Estate
Co. Clare
Ireland
V14 DF82
353(61)771500
353(61)471285
customerservice.shannon@itwpp.com

Số điện thoại khẩn cấp

Số điện thoại khẩn cấp +44(0)1235 239 670 (24h)

PHẦN 2: Nhận dạng nguy hại

Phân loại chất hoặc hỗn hợp

Nguy hại vật chất Không xếp loại

Nguy hại về sức khỏe Độc tính cấp tính loại 5 - H313 Độc tính cấp tính loại 4 - H332 Kích ứng da loại 2 - H315 Mẫn cảm hô hấp loại 1 - H334 Mẫn cảm da loại 1 - H317 Độc tố gây ung thư loại 2 - H351

Nguy hại về môi trường Không xếp loại

Sức khỏe con người

Persons allergic to isocyanates, and particularly those suffering from asthma or other respiratory conditions, should not work with isocyanates. Người mẫn cảm với các phản ứng dị ứng không nên xử lý sản phẩm này. Người có chức năng phổi suy yếu không nên sử dụng sản phẩm này. Phụ nữ mang thai và cho con bú không nên làm việc với sản phẩm này nếu có nguy cơ phơi nhiễm. Phụ nữ mang thai và cho con bú không nên làm việc với sản phẩm này nếu có nguy cơ phơi nhiễm.

Thành phần nhân

Hình đồ



Từ cảnh báo

Nguy hiểm

IRABOND UU55-52A

Câu cảnh báo nguy cơ	H313 Có thể gây hại nếu tiếp xúc với da. H315 Gây kích ứng da. H317 Có thể gây ra phản ứng dị ứng với da. H332 Gây hại nếu hít phải. H334 Có thể gây dị ứng hoặc triệu chứng hen suyễn hoặc khó thở nếu hít phải. H351 Nghi ngờ là tác nhân gây ung thư.
Câu phòng ngừa	P210 Tránh nhiệt, bề mặt nóng, tia lửa, ngọn lửa trần và các nguồn phát lửa khác. Không hút thuốc. P243 Sử dụng các biện pháp phòng ngừa phóng tĩnh điện. P280 Đeo găng tay/ quần áo/ kính/ mặt nạ bảo hộ. P303+P361+P353 NẾU DÍNH VÀO DA (hoặc tóc): Cởi quần áo nhiễm hóa chất ngay lập tức. Rửa sạch da bằng nước/ tắm. P332+P313 Nếu thấy da bị kích ứng: Tìm hỗ trợ y tế/ tìm sự trợ giúp. P370+P378 Trong trường hợp cháy: Sử dụng bột, cacbon dioxide, bột khô hoặc sương nước để dập lửa.
Bao gồm	XYLENE, MIXTURES OF ISOMERES, TOLUENE-DIISOCYANATE

Các nguy hại khác

Sản phẩm này không chứa bất kỳ chất nào được phân loại PBT (bền vững, dễ tích tụ sinh học và độc hại) hoặc vPvB (rất bền vững, rất dễ tích tụ sinh học).

PHẦN 3: Thành phần/thông tin về thành phần**Hỗn hợp**

XYLENE, MIXTURES OF ISOMERES	30-60%
Số CAS: 1330-20-7	
Phân loại Chất lỏng dễ cháy loại 3 - H226 Độc tính cấp tính loại 4 - H312 Độc tính cấp tính loại 4 - H332 Kích ứng da loại 2 - H315	
TOLUENE-DIISOCYANATE	<1%
Số CAS: 26471-62-5	
Phân loại Độc tính cấp tính loại 2 - H330 Kích ứng da loại 2 - H315 Kích ứng mắt loại 2A - H319 Mẫn cảm hô hấp loại 1 - H334 Mẫn cảm da loại 1 - H317 Độc tố gây ung thư loại 2 - H351 Độc tính cơ quan mục tiêu cụ thể - phơi nhiễm đơn loại 3 - H335 Mẫn tính thủy sinh loại 3 - H412	

Văn bản đầy đủ của tất cả các câu cảnh báo nguy hại được hiển thị ở Phần 16.

PHẦN 4: Biện pháp sơ cứu**Mô tả các biện pháp sơ cứu**

IRABOND UU55-52A

Thông tin chung	Do not breathe vapour. Tránh tiếp xúc với da và mắt. Trong trường hợp tai nạn hay thấy không được khỏe, tìm tư vấn y tế ngay lập tức (cho họ xem nhãn nếu có thể).
Sự hít phải	Đưa người bị ảnh hưởng đến nơi thoáng khí ngay lập tức. Khi thấy khó thở, người đã qua đào tạo bài bản có thể hỗ trợ người bị ảnh hưởng điều chỉnh oxy. Tìm hỗ trợ y tế nếu sự khó chịu vẫn tiếp tục.
Sự ăn phải	DO NOT induce vomiting. Get medical attention immediately. Không bao giờ được cho bất kỳ thứ gì qua đường miệng cho một người đang bất tỉnh. Không cố nôn ra.
Tiếp xúc với da	Cởi quần áo bị nhiễm hóa chất ngay lập tức và rửa da với xà phòng và nước. Tìm hỗ trợ y tế nếu vẫn kích ứng sau khi rửa.
Tiếp xúc với mắt	Tháo kính áp tròng nếu có và mở to mắt. Tiếp tục rửa trong ít nhất 15 phút và tìm hỗ trợ y tế. Tìm hỗ trợ y tế nếu vẫn kích ứng sau khi rửa.

Các triệu chứng và ảnh hưởng quan trọng nhất, cả cấp tính và mãn tính

Thông tin chung	Mức độ nghiêm trọng của các triệu chứng được mô tả sẽ khác nhau tùy thuộc vào nồng độ và thời gian tiếp xúc.
------------------------	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Chỉ định chăm sóc y tế ngay lập tức và điều trị đặc biệt cần thiết

Ghi chú cho bác sĩ	Không có khuyến nghị cụ thể. Nếu có nghi ngờ, tìm hỗ trợ y tế ngay lập tức.
---------------------------	-----------------------------------------------------------------------------

PHẦN 5: Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

Cách chữa cháy

Cách chữa cháy phù hợp	Dập lửa với bọt, cacbon dioxit hoặc bột khô. Larger fires: Bụi nước, sương.
-------------------------------	-----------------------------------------------------------------------------

Những nguy hại đặc biệt phát sinh từ chất hoặc hỗn hợp

Những nguy hại cụ thể	Dễ cháy. Tránh hít khí hoặc hơi cháy. Các sản phẩm của quá trình phân hủy nhiệt hoặc đốt có thể bao gồm các chất sau: Khí và hơi rất độc hại và gây ăn mòn.
------------------------------	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Lời khuyên cho nhân viên cứu hỏa

Những hành động bảo hộ trong khi chữa cháy	Keep up-wind to avoid fumes. Không sử dụng bình xịt nước để dập lửa, vì việc này sẽ làm lan rộng đám cháy. Kiểm soát nước chảy bằng cách chữa và giữ không để chảy vào hệ thống cống rãnh và kênh rạch. Di chuyển các thùng chứa ra khỏi khu vực đám cháy nếu có thể thực hiện mà không gây nguy hiểm. Làm mát các thùng chứa tiếp xúc với ngọn lửa bằng nước một lúc lâu sau khi lửa đã được dập.
---------------------------------------------------	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Thiết bị bảo hộ đặc biệt cho lính cứu hỏa	Đeo bình thở dưỡng khí oxy áp lực dương và mặc quần áo bảo hộ phù hợp.
--------------------------------------------------	------------------------------------------------------------------------

PHẦN 6: Biện pháp xử lý tai nạn

Các cảnh báo cá nhân, thiết bị bảo vệ và quy trình khẩn cấp

Những cảnh báo cho cá nhân	Dễ cháy. Warn everybody of potential hazards and evacuate if necessary. Không hút thuốc, đánh lửa, lửa trần hoặc các nguồn cháy khác gần chỗ tràn đổ. Cung cấp hệ thống thông gió tốt. Mặc quần áo bảo hộ như được mô tả ở Phần 8 của phiếu dữ liệu an toàn này. Tránh hít phải hơi và tiếp xúc với da và mắt.
-----------------------------------	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Các cảnh báo về môi trường

Những cảnh báo về môi trường	Tránh tràn đổ hoặc chảy xuống ống thoát nước, cống rãnh hoặc kênh rạch. Tràn đổ và xả thải không kiểm soát vào nguồn nước phải được báo cáo ngay lập tức với Cục Môi trường hoặc cơ quan quản lý thích hợp khác.
-------------------------------------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Các phương pháp và chất liệu để ngăn chặn và làm sạch

IRABOND UU55-52A

Các phương pháp lau dọn Transfer to a dry metal container, keeping it open for 48 hours. Hấp thụ chất tràn đổ với chất liệu hấp thụ không dễ cháy. Các thùng chứa chất bị tràn đổ phải được ghi nhãn đúng quy cách với thành phần chính xác và ký hiệu nguy hại.

Tham khảo cho các phần khác

Tham khảo cho các phần khác Mặc quần áo bảo hộ như được mô tả ở Phần 8 của phiếu dữ liệu an toàn này.

PHẦN 7: Xử lý và lưu giữ

Các cảnh báo cho việc an toàn sử dụng

Những lưu ý khi sử dụng Chỉ sử dụng trong khu vực thông gió tốt. Không để gần nguồn nhiệt, tia lửa và ngọn lửa trần. Cung cấp hệ thống thông gió tốt. Ngăn chặn điện tĩnh và sự hình thành các tia lửa điện. Open drum carefully as content may be under pressure. Không sử dụng trong không gian kín mà không có hệ thống thông gió tốt và/hoặc mặt nạ phòng độc. Do not eat, drink or smoke when using the product. Tránh hít phải hơi/bụi nước và tiếp xúc với da và mắt. Thủ tục vệ sinh cá nhân nên được thực hiện tốt.

Các điều kiện an toàn lưu giữ, bao gồm cả những điều không nên

Những cảnh báo về lưu giữ hóa chất Lưu trữ trong thùng chứa gốc ban đầu, đóng kín, ở nơi khô ráo, thoáng mát và thông gió tốt. Avoid contact with water. Không lưu trữ gần các chất liệu không tương thích (xem Phần 10).

Mục đích sử dụng cụ thể cuối cùng

(Những) mục đích sử dụng cụ thể cuối cùng Các công dụng đã được xác định của sản phẩm này được trình bày trong Phần 1.

PHẦN 8: Quản lý Phơi nhiễm/ bảo hộ cá nhân

Chú thích thành phần WEL = Workplace Exposure Limits

Quản lý phơi nhiễm

Thiết bị bảo hộ



Kiểm soát kỹ thuật phù hợp Cung cấp đầy đủ hệ thống thông gió chung và quạt hút thông gió khu vực.

Bảo hộ mắt/mặt Đeo thiết bị bảo hộ sau: Kính chống hóa chất bắn tóe. Phải đeo thiết bị bảo hộ cá nhân cung cấp sự bảo vệ mắt và mặt phù hợp.

Bảo hộ tay Đeo găng tay bảo hộ làm từ chất liệu sau: Găng tay được khuyến nghị làm từ chất liệu sau: Cao su nitrile. Găng tay được khuyến nghị làm từ chất liệu sau: Cao su butyl. Găng tay được khuyến nghị làm từ chất liệu sau: Polyvinyl clorua (PVC). Để bảo vệ tay khỏi hóa chất, đeo găng tay đã được chứng minh là kháng hóa chất và chống ăn mòn. Găng tay được lựa chọn phải có thời gian thẩm thấu ít nhất 8 giờ.

Bảo hộ khác cho da và cơ thể Sử dụng các kiểm soát kỹ thuật để giảm thiểu ô nhiễm không khí về mức độ phơi nhiễm cho phép. Mặc quần áo thích hợp để ngăn khả năng tiếp xúc với da. Mặc bộ bảo hộ hóa chất.

Các biện pháp về vệ sinh Cung cấp nơi để rửa mắt và tắm. Tránh xa thực phẩm, đồ uống và đồ ăn cho động vật. Thủ tục vệ sinh cá nhân nên được thực hiện tốt. Rửa tay và các chỗ bị nhiễm hóa chất trên cơ thể với xà phòng và nước trước khi rời khỏi khu làm việc. Do not eat, drink or smoke when using the product.

IRABOND UU55-52A

Bảo hộ cho hô hấp	Nếu hệ thống thông gió kém, phải đeo thiết bị bảo vệ hô hấp phù hợp. Việc lựa chọn mặt nạ phải dựa trên mức độ phơi nhiễm, nguy hại của sản phẩm và giới hạn an toàn nơi làm việc của mặt nạ được chọn lựa. Mặt nạ phải vừa với khuôn mặt và bộ lọc phải được thay thường xuyên. Đeo mặt nạ hợp với bộ lọc sau: Bộ lọc khí, loại A2. Phải sử dụng mặt nạ hô hấp nửa mặt và một phần tư mặt với hộp lọc có thể thay thế được phù hợp với mục đích sử dụng.
--------------------------	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

PHẦN 9: Đặc tính lý, hóa của hóa chất

Thông tin về tính chất lý, hóa cơ bản của hóa chất

Hình dáng bên ngoài	Chất lỏng.
Màu sắc	Chất lỏng trong suốt.
Mùi đặc trưng	Mùi xylen.
Điểm sôi ban đầu và phạm vi sôi	87°C @
Điểm chớp cháy	24°C
Tỷ trọng tương đối	1.0 @ 20 °C°C
Tính tan	Không thể trộn lẫn với nước.
Độ nhớt	<0.5 poise @ 25°C
Thông tin khác	Không có.

PHẦN 10: Mức độ ổn định và khả năng hoạt động của hóa chất

Khả năng hoạt động của chất	Axit. Amin. Phản ứng mạnh với nước.
Mức độ ổn định của chất	Bền ở nhiệt độ thường và được sử dụng như khuyến nghị.
Khả năng gây ra phản ứng nguy hại	Không có.
Các tình trạng cần tránh	Tránh nhiệt, ngọn lửa và các nguồn phát lửa khác. Tránh nhiệt độ quá cao trong khoảng thời gian kéo dài. Tránh tiếp xúc với nhiệt độ cao hoặc ánh nắng trực tiếp. Tránh đông đá.
Các vật liệu cần tránh	Kiểm - vô cơ. Kiểm - hữu cơ. Mùi amoniac. Amin. Nước. Axit.
Các sản phẩm cháy nguy hại	Không phân hủy khi được sử dụng và lưu trữ như được khuyến nghị. Khí hoặc hơi gây kích ứng.

PHẦN 11: Thông tin về độc tính

Thông tin về tác động của độc tính

Độc tính cấp tính- qua da

Dự đoán độ độc cấp tính qua da (mg/kg) 3.142,86

Độc tính cấp tính- qua hô hấp

Dự đoán độ độc cấp tính qua đường hô hấp (khí ppmV) 7.258,06

Dự đoán độ độc cấp tính qua đường hô hấp (hơi mg/l) 22,82

IRABOND UU55-52A

Dự đoán độ độc cấp tính qua đường hô hấp (bụi/sương mg/l) 2,83

Thông tin chung	Persons allergic to isocyanates, and particularly those suffering from asthma or other respiratory conditions, should not work with isocyanates. Người mẫn cảm với các phản ứng dị ứng không nên xử lý sản phẩm này. Người có chức năng phổi suy yếu không nên sử dụng sản phẩm này. Phụ nữ mang thai và cho con bú không nên làm việc với sản phẩm này nếu có nguy cơ phơi nhiễm. Phụ nữ mang thai và cho con bú không nên làm việc với sản phẩm này nếu có nguy cơ phơi nhiễm.
Sự hít phải	Hít ở nồng độ cao trong khoảng thời gian dài có thể gây hủy hoại hệ hô hấp. Có thể gây mẫn cảm khi hít phải. Một lần phơi nhiễm đơn có thể gây ra các tác hại sau: Kích ứng phổi trầm trọng. Recognised allergen. Phơi nhiễm lặp lại có thể gây kích ứng đường hô hấp trên mãn tính. Hen suyễn, mẫn cảm phổi.
Sự ăn phải	Nuốt phải hóa chất đậm đặc có thể gây tổn thương nội tạng trầm trọng.
Tiếp xúc với da	Gây kích ứng da.
Tiếp xúc với mắt	Có thể gây kích ứng mắt trầm trọng. Có thể gây mù tạm thời và hủy hoại mắt nặng nề.
Nguy hại sức khỏe cấp tính và mãn tính	This chemical can be hazardous when inhaled and/or touched.
Đường phơi nhiễm	Qua đường thở Ingestion. Tiếp xúc với da và/hoặc mắt
Cơ quan mục tiêu	Hệ hô hấp, phổi
Triệu chứng y học	EYES AND MUCOUS MEMBRANES. Irritation, burning, lachrymation, blurred vision after liquid splash. RESPIRATORY SYSTEM. Kích ứng phổi trầm trọng. Suy hô hấp nói chung, ho khan. SKIN. Kích ứng da trầm trọng. DIGESTIVE SYSTEM. Buồn nôn, nôn mửa. Đau dạ dày trầm trọng.
Cần nhắc y học	Rối loạn da và dị ứng. Hô hấp mãn tính và các bệnh nghẽn đường hô hấp.

PHẦN 12: Thông tin về sinh thái

Độc tính môi sinh	Avoid release to the environment. Sản phẩm này chứa một chất có hại đối với sinh vật thủy sinh và do đó có thể gây ra tác hại lâu dài cho môi trường thủy sinh.
Độc tính	Không được cho là gây độc cho cá.
<u>Độ bền vững và độ phân hủy</u>	
Độ bền và độ phân hủy	Không có dữ liệu về tính phân hủy sinh học của sản phẩm này.
<u>Tiềm năng tích tụ sinh học</u>	
Khả năng tích lũy sinh học	Không có dữ liệu về độ tích tụ sinh học.
<u>Tính di động trong đất</u>	
Tính di động	Không xả thải vào ống thoát nước hoặc hệ thống nước hoặc trên mặt đất.
<u>Các tác động có hại khác</u>	
Các tác động có hại khác	Không có.

PHẦN 13: Cần nhắc trong việc thải bỏ

Các biện pháp xử lý chất thải

IRABOND UU55-52A

Thông tin chung	Khi xử lý chất thải, các biện pháp phòng ngừa an toàn áp dụng trong xử lý sản phẩm phải được cân nhắc.
Các phương pháp thải bỏ	Thải bỏ chất thải ở khu xử lý chất thải có giấy phép theo yêu cầu của Cơ quan Xử lý Chất thải địa phương.
Nhóm chất thải	08 04 99

PHẦN 14: Thông tin trong việc vận chuyển

Chung Không có thông tin khác.

Số UN

Số UN (Đường bộ/Đường sắt) 1866

Số UN (IMDG) 1866

Số UN (ICAO) 1866

Tên vận chuyển chuẩn UN

Tên chuẩn dùng khi vận chuyển (Đường bộ/Đường sắt) RESIN SOLUTION

Tên chuẩn dùng khi vận chuyển (IMDG) RESIN SOLUTION

Tên chuẩn dùng khi vận chuyển (ICAO) RESIN SOLUTION

Vận chuyển các nhóm chất nguy hại

Nhóm Đường bộ/Đường sắt 3

Nhãn Đường bộ/Đường sắt 3

Nhóm IMDG 3

Nhóm/ mục ICAO 3

Nhãn vận chuyển**Nhóm đóng gói**

Nhóm đóng gói Đường bộ/Đường sắt III

Nhóm đóng gói IMDG III

Nhóm đóng gói ICAO III

Các nguy hại về môi trường

Chất gây nguy hại cho môi trường/ chất ô nhiễm thủy sinh
Không.

Những lưu ý đặc biệt cho người sử dụng

EmS F-E, S-E

Số xác định nguy hại (Đường bộ/Đường sắt) 30

IRABOND UU55-52A

Vận chuyển số lượng lớn theo Không yêu cầu dữ liệu thông tin.
Phụ lục II của MARPOL 73/78
và mã IBC

PHẦN 15: Thông tin luật định**PHẦN 16: Thông tin khác**

Ý kiến sửa đổi Công thức đã hiệu chỉnh.

Ngày sửa đổi 02/11/2018

Sửa đổi 21

Ngày thay thế 04/04/2018

Câu cảnh báo nguy hại đầy đủ H226 Chất lỏng và hơi dễ cháy.
 H312 Gây hại nếu tiếp xúc với da.
 H313 Có thể gây hại nếu tiếp xúc với da.
 H315 Gây kích ứng da.
 H317 Có thể gây ra phản ứng dị ứng với da.
 H319 Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.
 H330 Gây tử vong nếu hít phải.
 H332 Gây hại nếu hít phải.
 H334 Có thể gây dị ứng hoặc triệu chứng hen suyễn hoặc khó thở nếu hít phải.
 H335 Có thể gây kích ứng hô hấp.
 H351 Nghi ngờ là tác nhân gây ung thư.
 H412 Gây hại cho đời sống thủy sinh với tác ảnh hưởng lâu dài.

Thông tin này chỉ áp dụng cho chất liệu cụ thể được ghi rõ và có thể vô giá trị khi chất liệu này được sử dụng kết hợp với chất liệu khác hoặc trong quá trình khác. Thông tin này, dựa trên kiến thức tốt nhất và niềm tin của công ty, là chính xác và đáng tin cậy kể từ ngày được ghi. Tuy nhiên, không có bảo đảm hoặc tuyên bố chính thức nào về tính chính xác, độ tin cậy hoặc tính trọn vẹn của thông tin. người sử dụng tự có trách nhiệm trong việc sử dụng thông tin phù hợp với yêu cầu sử dụng riêng của bản thân.